TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08/06/2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Trường

2. Ông Vũ Văn Chương

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh B tham gia phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2023 về "*Ly hôn, nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt N, sinh năm 1982,

Địa chỉ: Số 21 Trương Hán Siêu, phường Rạch Dừa, thành phố V, tỉnh B, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Như N, sinh năm 1984,

Địa chỉ: Hộ khẩu thường trú và địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Số 21 Trương Hán Siêu, phường Rạch Dừa, thành phố V, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ô*ng *Nguyễn Việt N trình bày:*

Ông Nguyễn Việt N và bà Phạm Như N tự nguyện chung sống vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 03/03/2005 tại UBND phường Rạch Dừa, thành phố V, tỉnh B.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do bà N ngoại tình, khi ông N phát hiện thì bà N bỏ nhà ra đi biệt tích đến nay không trở về, đồng thời cũng không liên lạc, thư từ hay để lại lời nhắn gì cho ông N và gia đình. Ông N cùng gia đình đã tìm kiếm, liên lạc với gia đình của bà N và những người quen biết nhưng đến nay vẫn không rõ tung tích của bà N.

Sau một thời gian không có tin tức gì của bà N nên ông N có đơn yêu cầu tuyên bố bà N mất tích. Ngày 21/12/2021 Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh B đã ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số 15/2022/QĐST-VDS tuyên bố bà N mất tích.

Nay ông N nhận thấy bà N đã mất tích một thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông N được ly hôn với bà Phạm Như N.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Gia B, sinh ngày 18/05/2006, theo nguyện vọng của con muốn được sống với bố, vì vậy ông N yêu cầu trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Như N: Tòa án tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà N vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tống đạt, niêm yết hợp lệ nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có nơi cư trú tại thành phố V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà N tự nguyện chung sống vào năm 2005 được UBND phường 10 nay là phường Rạch Dừa, thành phố V, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01/2005 ngày 03/02/2005.

Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn do bà N ngoại tình, khi ông N phát hiện thì bà N bỏ nhà ra đi biệt tích đến nay không trở về, đồng thời cũng không liên lạc, thư từ hay để lại lời nhắn gì cho ông N và gia đình. Ông N cùng gia đình đã tìm kiếm, liên lạc với gia đình của bà N và những người quen biết nhưng đến nay vẫn không rõ tung tích của bà N. Ngày 21/12/2021 theo yêu cầu của ông N, Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh B đã ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số 15/2022/QĐST-VDS tuyên bố bà Phạm Như N mất tích.

Như vậy, xét mâu thuẫn giữa vợ chồng ông N, bà N là có thật và đã kéo dài trước khi bà N mất tích nên hôn nhân giữa ông N, bà N chỉ còn trên danh nghĩa mà thực tế không còn chung sống, mâu thuẫn gia đình thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông N yêu cầu ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Gia B, sinh ngày 18/05/2006, xét nguyện vọng cháu Bảo yêu cầu sống với cha nên cần giao con cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), ông N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên công nhận.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí : Do ông N là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. bà N không phải chịu án phí.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt N đối với bà Phạm Như N về việc "Ly hôn, nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Việt N được ly hôn với bà Phạm Như N.

2. Về con chung: Có 1 con chung là cháu Nguyễn Phạm Gia B, sinh ngày 18/05/2006, theo nguyện vọng của con, ông Nguyễn Việt N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Gia B đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Việt N về việc không yêu cầu bà Phạm Như N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Phạm Như N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Việt N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Việt N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000956 ngày 23 tháng 03 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh B. Như vậy, ông Nguyễn Việt N đã nộp xong án phí. Bà Phạm Như N không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND TP. V;
- Chi cục THA Dân sự TP V;
- UBND phường Rạch Dừa, TP V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Yến Oanh